

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày 23 – 8 – 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 42/2022/TLST-DSTC ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Chàng 1, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị XuY, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: TDP Vườn Hoa, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Độ Mới, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Độ Mới, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/5/2022 cùng các lời khai nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày: Anh có cho chị Lê Thị Y vay tiền số tiền 220.000.000 đồng, vay làm 02 lần cụ thể các ngày: Ngày 03/4/2012 (âm lịch) chị Y vay số tiền 120.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Ngày 21/4/2012 (âm lịch) chị Y vay số tiền 200.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Chị Y anh B đã trả lãi của 2 khoản vay trên đến ngày 25/12/2021 là 145.000.000 đồng.

Khi vay có viết giấy tờ vay nợ chị Y có ký vào giấy vay nợ. Số tiền anh cho vay là tiền riêng của anh không liên quan đến vợ anh là chị Phan Thị Khoa. Việc chị Y cung cấp tài liệu có bố anh là ông Trần Ngọc Tiến và mẹ anh là bà Cao

Thị Dậu nhận tiền. Do công việc bận nên anh nhờ bố mẹ anh thu tiền lãi hộ chứ không liên quan gì đến bố mẹ anh. Nay bố anh là ông Trần Ngọc Tiên đã chết anh đề nghị Tòa án không đưa mẹ anh vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Việc tính tiền lãi suất anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị XuY đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày của anh T.

Bị đơn là chị Lê Thị Y trình bày: Vào khoảng đầu năm 2012 chị đã 02 lần đến nhà anh T vay số tiền 220.000.000đ lãi suất ghi trong giấy vay nợ là 4,5% vay tiền để làm ăn kinh doanh vật liệu xây dựng. Do làm ăn thua lỗ và lãi suất quá nặng nên chị đã bị vỡ nợ không có khả năng chi trả. Chị đã phải đi làm ăn xa để lấy tiền trả nợ. Trong khi chị đi làm xa thì ông Tiên bà Dậu là bố mẹ đẻ của anh T và chồng chị là anh Đỗ Văn B thỏa thuận với nhau số tiền anh chị trả 145.000.000đ sẽ trừ vào số tiền gốc và chỉ còn lại số tiền 75.000.000đ tiền gốc và hàng năm sẽ trả dần tùy vào điều kiện kinh tế. Lãi suất chị xin không trả vì kinh tế gia đình khó khăn. Số tiền 145.000.000đ anh chị đã trả anh T trừ vào tiền lãi chị không đồng ý. Tại phiên tòa chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Văn B trình bày: Anh là chồng chị Y. Năm 2012 chị Y có vay tiền của anh T nhà bên Thị trấn Lục Nam 2 lần vay là 220.000.000đ chị Y có ký vào giấy vay nợ. Anh không ký giấy vay nợ và anh cũng không biết chị vay nợ làm gì. Sau đó ông Tiên bố đẻ anh T mang giấy vay nợ đến anh mới biết từ năm đó đến nay tự tay anh trả 145.000.000đ tiền gốc. Nay anh T khởi kiện ra Tòa đòi nợ vợ chồng anh số tiền gốc 220.000.000đ và 251.000.000đ tiền lãi anh không đồng ý vì anh đã trả được 145.000.000đ tiền gốc chỉ còn nợ lại 75.000.000đ tiền gốc và vợ chồng anh sẽ trả dần tiền gốc không có lãi phát sinh.

Tại phiên tòa hôm nay anh B có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 477, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T.

Buộc chị Lê Thị Y và anh Đỗ Văn B phải trả cho anh Trần Ngọc T số tiền gốc 220.000.000 đồng.

Về tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được tính cụ thể như sau:

Đối với khoản vay 120.000.000 đồng:

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 03/4/2012 âm lịch (tức ngày 23/4 /2012 dương lịch) đến ngày 31/12/2016 dương lịch: $120.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 56 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} = 75.600.000đ + 360.000đ = 75.963.000đ$

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 23/8/2022 (dương lịch) = $120.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 68 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 136.000.000đ + 1.533.300đ = 137.533.300đ$

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 21/4/2012 âm lịch (tức ngày 11/5/2012 dương lịch) đến 31/12/2016 dương lịch = 54 tháng 20 ngày $\times 100.000.000đ \times 13,5\% = 60.750.000đ + 750.000đ = 61.500.000đ$

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 23/8/2022 (dương lịch) = $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 68 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 113.333.300đ + 1.277.700đ = 114.611.000 \text{ đồng}$

Tổng lãi suất cho 2 khoản vay là 389.607.300đ. Trừ đi số tiền lãi ông B bà Y đã trả là 145.000.000đ, bà Y, ông B còn phải trả lãi: 244.607.300đ.

Tổng số tiền gốc và lãi bà Y và ông B phải trả là $220.000.000đ + 244.607.300đ = 464.607.300đ$

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Y người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn B đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay anh B chị Y có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của anh Trần Ngọc T HĐXX thấy:

Về yêu cầu trả tiền gốc: Các ngày 02/4/2012, ngày 21/4/2012 anh T cho chị Y anh B vay số tiền 220.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, có lãi suất tuy nhiên lãi suất quá cáo so với quy định của pháp luật, không ghi thời hạn trả. Tuy nhiên đến nay anh T có đòi nhiều lần nhưng anh B chị Y chỉ thanh toán khoản tiền lãi phát sinh,

Nay anh T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh B chị Y trả anh số tiền gốc 220.000.000đ. Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi. Trong quá trình làm việc anh B chị Y thừa nhận nợ anh T số tiền 220.000.000đ. Nhưng anh B chị Y đã trả được 145.000.000đ tiền gốc. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án việc anh B chị Y đã trả 145.000.000đ là có thật nhưng không ghi số tiền đó là tiền gốc. Do đó việc anh T yêu cầu anh B chị Y trả số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi suất HĐXX xét thấy phải chia ra làm 2 giai đoạn trước

ngày 01/01/2017 lãi suất không vượt quá 150%/năm theo BLDS năm 2005: giai đoạn sau ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử 23/8/2022 lãi suất không vượt quá 20%/năm. Điều 357, Điều 466; Điều 468 BLDS năm 2015.

Về tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được tính cụ thể như sau:

Đối với khoản vay 120.000.000 đồng:

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 03/4/2012 âm lịch (tức ngày 23/4 /2012 dương lịch) đến ngày 31/12/2016 dương lịch: $120.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 56 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} = 75.600.000đ + 360.000đ = 75.963.000đ$

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 23/8/2022 (dương lịch) = $120.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 68 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 136.000.000đ + 1.533.300đ = 137.533.300đ$

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 21/4/2012 âm lịch (tức ngày 11/5/2012 dương lịch) đến 31/12/2016 dương lịch = 54 tháng 20 ngày $\times 100.000.000đ \times 13,5\% = 60.750.000đ + 750.000đ = 61.500.000đ$

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 23/8/2022 (dương lịch) = $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 68 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 113.333.300đ + 1.277.700đ = 114.611.000 \text{ đồng}$

Tổng lãi suất cho 2 khoản vay là 389.607.300đ. Trừ đi số tiền lãi ông B bà Y đã trả là 145.000.000đ, bà Y, ông B còn phải trả lãi: 244.607.300đ.

Tổng số tiền gốc và lãi bà Y và ông B phải trả là $220.000.000đ + 244.607.300đ = 464.607.300đ$

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu thời gian tính lãi cho các khoản vay từ ngày vay đến ngày 23/8/2022 theo quy định của pháp luật

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Y và anh Đỗ Văn B chịu toàn bộ án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 22.584.292 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T

Buộc chị Lê Thị Y anh Đỗ Văn B liên đới trả cho anh Trần Ngọc T tổng số tiền 609.607.300đ. Trong đó số tiền gốc là 220.000.000đ đồng và tiền lãi là 389.607.300đ đồng. Trừ đi số 145.000.000đ tiền lãi chị Y anh B đã trả anh T. Chị Y anh B phải trả 464.607.300đ

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Chị Lê Thị Y và anh Đỗ Văn B phải chịu 22.584.292đ đồng án phí DSST. Hoàn trả anh Trần Ngọc T 11.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013751 ngày 10/5/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lự